

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST  
Ngày: 11 - 8 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Doãn Văn Sáng

Ông PHm Văn Sóng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông PHm Hoàng Chính, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05, 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự :

***- Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: Số 77 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L; chức vụ: Tổng Giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Đào Việt A; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Hải Phòng - Phòng (Văn bản ủy quyền số 30/UQ-TGD ngày 10 tháng 02 năm 2020); có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn V, sinh năm 1982 và bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; ông Thành và bà Nh đều vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: Khu B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội do người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng SHB) theo Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 25/11/2016; cụ thể như sau: Số tiền vay là: 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Mua xe ô tô con Mercedes-Benz C300; thời Hn vay: 72 tháng tính từ ngày 28/11/2016 đến ngày 28/11/2022; lãi suất vay trong Hn theo quy định của ngân hàng SHB từng thời kỳ và từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất vay trong Hn được điều chỉnh 03 tháng/1 lần, kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng mức lãi suất cho vay (cùng đối tượng, khách hàng, kỳ Hn, loại tiền...) theo quy định của ngân hàng SHB tại thời điểm điều chỉnh.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay gồm:

- 01 xe ô tô con Mercedes-Benz C300, màu trắng, biển số đăng ký 15A-288.35; số khung: 4JX7GV002614; số máy: 492030693229; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040595 do Phòng CSGT CA Hải Phòng cấp ngày 22/11/2016 cho ông Nguyễn V.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016 đứng tên chủ sử dụng là bà Lê Thị H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 44/2017/HĐTC-CN/SHB.112300; số công chứng 1736/HĐTC/2017; Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/03/2017 tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng giữa bên nhận thế chấp là ngân hàng SHB với bên thế chấp là bà Lê Thị H.

Ngày 10/03/2017, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh tiếp tục vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thông qua các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 và Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Số tiền vay là: 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng); mục đích vay: Sửa chữa nhà; thời Hn vay: 36 tháng tính từ ngày 15/03/2017 đến ngày 14/03/2020; lãi suất vay trong Hn theo quy định của ngân hàng SHB từng thời kỳ và từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất vay trong Hn được điều chỉnh 03 tháng/1 lần, kể từ thời điểm giải ngân, mức

lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ Hạn 12 tháng trả lãi sau cao nhất KHCN của Ngân hàng SHB tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ cho vay là 3,9%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Số tiền vay là: 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng); mục đích vay: Mua trang thiết bị gia đình; thời Hn vay: 36 tháng tính từ ngày 15/03/2017 đến ngày 14/03/2020; lãi suất vay trong Hn theo quy định của ngân hàng SHB từng thời kỳ và từng khế ước nhận nợ cụ thể. Lãi suất vay trong Hn được điều chỉnh 03 tháng/1 lần, kể từ thời điểm giải ngân, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng mức lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ Hạn 12 tháng trả lãi sau cao nhất KHCN của Ngân hàng SHB tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ cho vay là 4,59%/năm.

Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 và Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016, chủ sử dụng là bà Lê Thị H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay nên toàn bộ số nợ vay chuyển sang nợ quá Hn từ ngày 23/12/2017 .

Tháng 8 năm 2019, ngân hàng SHB đã thu nợ số tiền 1.100.000.000 đồng (trong đó, thu nợ gốc: 1.000.800.000 đồng; nợ lãi: 99.200.000 đồng) và giải chấp tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô con Mercedes-Benz C300, màu trắng, biển số đăng ký 15A-288.35; số khung: 4JX7GV002614; số máy: 492030693229; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040595 do Phòng CSGT CA Hải Phòng cấp ngày 22/11/2016 cho ông Nguyễn V. Tính đến ngày 11/8/2020, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh mới trả được số nợ gốc là 1.390.900.000 đồng và số nợ lãi là: 183.914.493 đồng. Cộng thành 1.574.814.493 đồng.

Nay Ngân hàng SHB yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thủy nguyên, thành phố Hải Phòng giải quyết buộc ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải thanh toán trả cho Ngân hàng SHB các khoản nợ tính đến hết ngày 11/8/2020 như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong Hn: 87.216.447 đồng; nợ lãi quá Hạn: 58.315.134 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 467.200.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 68.653.666 đồng; nợ lãi quá Hạn: 135.020.355 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 241.900.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 38.722.473 đồng; nợ lãi quá Hn: 74.696.060 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là: 1.171.724.135 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 709.100.000 đồng; nợ lãi trong Hạn: 194.592.586 đồng; nợ lãi quá hạn: 268.031.549 đồng.

Ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 12/8/2020 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng SHB xin rút phần yêu cầu về khoản lãi pHt chậm trả của các hợp đồng tín dụng nêu trên.

Trường hợp ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh không trả được các khoản nợ của hai hợp đồng tín dụng số 18 và 19 nêu trên cho Ngân hàng SHB, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng SHB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản mà bà Lê Thị H đã thế chấp để thu hồi nợ cho hai hợp đồng số 18 và hợp đồng số 19 nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn V, bà Vũ Thị Nh không có ý kiến gì về việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, ông Nguyễn V, bà Vũ Thị Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H không đến Tòa án để giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 5 năm 2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H khai:*

Năm 2016, con trai bà H là ông Nguyễn V và vợ là bà Vũ Thị Nh có vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền: 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Mua xe ô tô con Mercedes-Benz C300. Để bảo đảm cho khoản vay nói trên, ngoài tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô con Mercedes-Benz C300, bà H đã dùng tài sản của bà H là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016 đứng tên chủ sử dụng là bà Lê Thị H để đảm bảo cho khoản vay nói trên. Nay Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Thành, bà Nh phải trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi. Nếu ông Thành, bà Nh không trả được nợ thì Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân

sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản mà bà H đã thế chấp để thu hồi nợ. Quan điểm của bà H đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho ông Thành, bà Nh được trả nợ dần. Trường hợp ông Thành, bà Nh không trả được nợ đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Nguyễn V và bà vũ Thị Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H đều có cư trú tại xã Khu B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến ngày mở phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh có vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thông qua các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 25/11/2016, số tiền vay là: 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Số tiền vay là: 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng);

- Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Số tiền vay là: 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng)

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 171 là:

- 01 xe ô tô con Mercedes-Benz C300, màu trắng, biển số đăng ký 15A-288.35; số khung: 4JX7GV002614; số máy: 492030693229; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040595 do Phòng CSGT CA Hải Phòng cấp ngày 22/11/2016 cho ông Nguyễn V.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016 đứng tên chủ sử dụng là bà Lê Thị H.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 18 và Hợp đồng tín dụng số 19 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016, chủ sử dụng là bà Lê Thị H.

Việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là tự nguyện, điều khoản trong các hợp đồng nêu trên phù hợp với pháp luật, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm là hợp pháp nên phát sinh hiệu lực thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 23/12/2017, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên toàn bộ số nợ nói trên đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tháng 8 năm 2019, Ngân hàng SHB đã thu nợ số tiền 1.100.000.000 đồng (trong đó, thu nợ gốc: 1.000.800.000 đồng; nợ lãi: 99.200.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ) và giải chấp tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô con Mercedes-Benz C300, màu trắng, biển số đăng ký 15A-288.35; số khung: 4JX7GV002614; số máy: 492030693229; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040595 do Phòng CSGT CA Hải Phòng cấp ngày 22/11/2016 cho ông Nguyễn V.

Tính đến ngày 11/8/2020, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh mới trả được số nợ gốc là 1.390.900.000 đồng và số nợ lãi là: 183.914.493 đồng. Cộng thành 1.574.814.493 đồng.

Tính đến hết ngày 11/8/2020, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh còn nợ Ngân hàng SHB các khoản nợ như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong hạn: 87.216.447 đồng; nợ lãi quá hạn: 58.315.134 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 467.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 68.653.666 đồng; nợ lãi quá hạn: 135.020.355 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 241.900.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 38.722.473 đồng; nợ lãi quá hạn: 74.696.060 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là: 1.171.724.135 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi một bảy trăm hai mươi tư nghìn một trăm ba mươi lăm đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút phần yêu cầu về khoản lãi pHt chậm trả của các hợp đồng tín dụng đối với bị đơn. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu tính lãi pHt chậm trả nói trên.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117; 119, 275; Điều 280; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 500; Điều 501 và Điều 502 Bộ luật dân sự 2015; Điều 130 Luật đất đai năm 2003; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản nợ nêu trên và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 12/8/2020 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm: Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 44/2017/HĐTC-CN/SHB.112300; số công chứng 1736/HĐTC/2017; Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/03/2017 tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng được ký kết giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng SHB với bên thế chấp là bà Lê Thị H thì tài sản thế chấp được bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc, lãi trong Hn, lãi quá Hn của Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017 và Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017.

Trường hợp ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh không trả được các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017 và Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017 nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016 đứng tên chủ sử dụng là bà Lê Thị H để đảm bảo việc thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền xét xử vụ án này. Bị đơn là ông Nguyễn V và bà vũ Thị Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H đều có cư trú tại xã Khu B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến ngày mở phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là Nguyễn V và bà vũ Thị Nh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét các Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 25/11/2016; Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017; Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017 và các Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ Phần S (sau đây viết tắt là ngân hàng SHB) với ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 44/2017/HĐTC-CN/SHB.112300; số công chứng 1736/HĐTC/2017; Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/03/2017 tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng giữa bên nhận thế chấp là ngân hàng SHB với bên thế chấp là bà Lê Thị H và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh có vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 25/11/2016, số tiền vay là: 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

- Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Số tiền vay là: 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng);

- Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Số tiền vay là: 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng)

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 171 là:

- 01 xe ô tô con Mercedes-Benz C300, màu trắng, biển số đăng ký 15A-288.35; số khung: 4JX7GV002614; số máy: 492030693229; Giấy chứng nhận



đăng ký xe ô tô số 040595 do Phòng CSGT CA Hải Phòng cấp ngày 22/11/2016 cho ông Nguyễn V.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016 đứng tên chủ sử dụng là bà Lê Thị H.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 18 và Hợp đồng tín dụng số 19 là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016, chủ sử dụng là bà Lê Thị H.

Việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự là tự nguyện, điều khoản trong các hợp đồng nêu trên phù hợp với pháp luật, có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm là hợp pháp nên phát sinh hiệu lực thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 23/12/2017, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên toàn bộ số nợ nói trên đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tháng 8 năm 2019, Ngân hàng SHB đã thu nợ số tiền 1.100.000.000 đồng (trong đó, thu nợ gốc: 1.000.800.000 đồng; nợ lãi: 99.200.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ) và giải chấp tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô con Mercedes-Benz C300, màu trắng, biển số đăng ký 15A-288.35; số khung: 4JX7GV002614; số máy: 492030693229; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 040595 do Phòng CSGT CA Hải Phòng cấp ngày 22/11/2016 cho ông Nguyễn V.

Tính đến ngày 11/8/2020, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh mới trả được số nợ gốc là 1.390.900.000 đồng và số nợ lãi là: 183.914.493 đồng. Cộng thành 1.574.814.493 đồng.

Tính đến hết ngày 11/8/2020, ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh còn nợ Ngân hàng SHB các khoản nợ như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong hạn: 87.216.447 đồng; nợ lãi quá hạn: 58.315.134 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 467.200.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 68.653.666 đồng; nợ lãi quá Hn: 135.020.355 đồng.

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 241.900.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 38.722.473 đồng; nợ lãi quá Hn: 74.696.060 đồng.

Tổng cộng các khoản nợ của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là: 1.171.724.135 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi một bảy trăm hai mươi tư nghìn một trăm ba mươi lăm đồng) là có căn cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút phần yêu cầu về khoản lãi pHt chậm trả các hợp đồng tín dụng đối với bị đơn. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm:

Theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 44/2017/HĐTC-CN/SHB.112300; số công chứng 1736/HĐTC/2017; Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/03/2017 tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng được ký kết giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng SHB với bên thế chấp là bà Lê Thị H thì tài sản thế chấp được bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc, lãi trong Hn, lãi quá Hn của Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017 và Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017.

Trường hợp ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh không trả được các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017 và Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017 nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016 đứng tên chủ sử dụng là bà Lê Thị H để đảm bảo việc thi hành án.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ các Điều 117; 119, 275; Điều 280; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 500; Điều 501 và Điều 502 Bộ luật dân sự; Điều 130 Luật đất đai năm 2003; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số nợ đến hết ngày 11/8/2020 là: 1.171.724.135 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn một trăm ba lăm đồng), trong đó bao gồm: Nợ lãi trong Hn: 87.216.447 đồng; nợ lãi quá Hạn: 58.315.134 đồng của Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300. Nợ gốc: 467.200.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 68.653.666 đồng; nợ lãi quá Hạn: 135.020.355 đồng của Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300. Nợ gốc: 241.900.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 38.722.473 đồng; nợ lãi quá Hạn: 74.696.060 đồng của Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300.

Ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 12/8/2020 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí dân sự thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời Hn do pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117; 119, 275; Điều 280; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 500; Điều 501 và Điều 502 Bộ luật dân sự 2015; Điều 130 Luật đất đai năm 2003; Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 11 tháng 8 năm 2020 là: 1.171.724.135 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi một triệu bảy trăm hai mươi tư nghìn một trăm ba lăm đồng), trong đó bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 171/2016/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 0 đồng; nợ lãi trong Hn: 87.216.447 đồng; nợ lãi quá Hạn: 58.315.134 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 467.200.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 68.653.666 đồng; nợ lãi quá Hn: 135.020.355 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300: Nợ gốc: 241.900.000 đồng; nợ lãi trong Hn: 38.722.473 đồng; nợ lãi quá Hn: 74.696.060 đồng.

Ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc chưa trả kể từ ngày 12/8/2020 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh không trả được các khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số 18/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017 và Hợp đồng tín dụng số 19/2017/HDTDTDH-CN/SHB.112300 ngày 15/03/2017, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số A6-31; tờ bản đồ số: 02; diện tích 194,3 m<sup>2</sup>; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 843960, vào sổ cấp GCN số: CH1162 do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 28/7/2016 đứng tên chủ sử dụng là bà Lê Thị H theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 44/2017/HĐTC-CN/SHB.112300; số công chứng 1736/HĐTC/2017; Quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/03/2017 tại Văn phòng công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với bên thế chấp là bà Lê Thị H để đảm bảo việc thi hành án.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội số tiền còn thiếu.

3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản tiền lãi pHt chậm trả.

4. Về án phí: Ông Nguyễn V và bà Vũ Thị Nh phải nộp 47.151.724 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm năm mươi một nghìn bảy trăm hai mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000702 ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời Hn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKS ND huyện Thủy Nguyên;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Ngọc Anh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Văn Sáng    Bùi Đình Hùng**

**Lương Ngọc Anh**



